

THÔNG KÊ SỨC KHỎE

Đầu năm học 2024-2025 (tháng 3/2025)

Trẻ SDD thể nhẹ cân không chấm biểu 3. Tất cả trẻ còn lại chấm đủ 3 biểu

STT	THÁNG	Mẫu Giáo Thuận Thành								
		Tổng số HS của trường	TSHS được KSK	TSHS được cân đo và theo dõi BĐTT	TS THEO DÕI CÂN NẶNG (Biểu 1)	TRẺ SDD THẺ NHẸ CÂN	TS THEO DÕI CHIỀU CAO (Biểu 2)	TRẺ SDD THẺ THẤP CÒI	TS THEO DÕI CÂN NẶNG + CHIỀU CAO (Biểu 3)	TRẺ THỪA CÂN, BÉO PHÌ
1	3	188	188	188	188	0	188	0	188	27

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Thị Hồng Lan

NGƯỜI LẬP


Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 3 năm 2025

TỔNG HỢP THEO DỐI CÂN ĐO TRẺ THÁNG 3
Năm học: 2024-2025

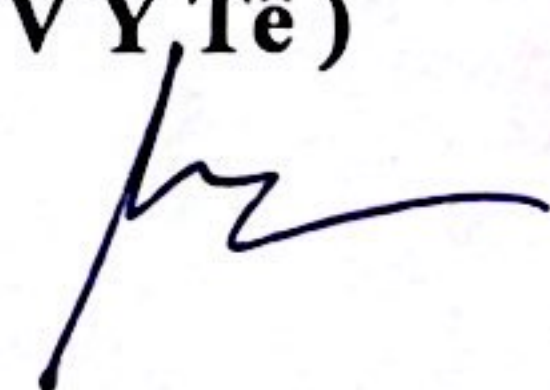
STT	GVCN	Lớp	Tổng số trẻ	Nữ	Đã khám sức khỏe	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI											Các bệnh khác
						Cân nặng BT	SDDT NC	SDDT NCM ĐN	Chiều cao BT	SDDT TC	SDDT TCM ĐN	SDDT GC	SDDT GCM ĐN	Thừa cân	Béo Phì	Cao hơn	
1	Trần Thị Ngọc Hương Nguyễn Thị Thu Thảo	4-5 Tuổi ₁	35	18	35	29	0	0	35	0	0	0	0	5	1	0	
2	Nguyễn Thị Ngọc Hân Đinh Thị Mai Quyên	4-5 Tuổi ₂	24	14	24	23	0	0	24	0	0	0	0	0	1	0	
3	Võ Thị Thúy Hằng Trần Hồng Diễm	5-6 Tuổi ₁	30	14	30	26	0	0	30	0	0	0	0	3	1	0	
4	Lâm Kim Ngọc Trâm Phan Thị Hồng Cúc	5-6 Tuổi ₂	30	17	30	25	0	0	30	0	0	0	0	3	2	0	
5	Trần Thị Bạch Huệ Ngô Thị Thu Thủy	5-6 Tuổi ₃	34	16	34	32	0	0	34	0	0	0	0	0	2	0	
6	Ngô Thị Ngọc Mai Võ Thị Ngọc Oanh	5-6 Tuổi ₄	35	16	35	26	0	0	35	0	0	0	0	4	5	0	
TỔNG CỘNG		6	188	95	188	161	0	0	188	0	0	0	0	15	12	0	
TỈ LỆ (%)			100	50.5	100	85.6	0.0	0.0	100	0.0	0.0	0.0	0.0	8.0	6.4	0.0	

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Lan

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 3 năm 2025

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 4-5 TUỔI, THÁNG 3

Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trịnh Quốc Anh	31/01/2020		20		114			
2	Nguyễn Phạm Bảo Thy	16/01/2020	x			114		23	
3	Nguyễn Võ Thiên Thư	26/01/2020	x	17		110			
4	Nguyễn Hoàng Thiên Long	27/01/2020		15		105			
5	Lê Minh Đăng	12/02/2020		17		112			
6	Nguyễn Đoàn Bảo Lam	18/02/2020	x	18		106			
7	Phan An Khang	20/02/2020				120		24.5	
8	Lê Ngọc Hoa Mai	02/03/2020	x	22		117			
9	Trần Phúc Nam Kha	04/03/2020		23		112			
10	Phạm Thị Cẩm Tú	05/03/2020	x	18		111			
11	Dương Tuệ Lâm	07/03/2020	x			116		27.5	
12	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	13/03/2020	x	20		111			
13	Ung Minh Khôi	13/03/2020		17		111			
14	Lê Đình Phong	20/03/2020		24.5		116			
15	Trần Thái Thịnh	07/04/2020		20		109			
16	Ngô Thiện Nhân	10/04/2020				111			28.5
17	Tất Thiên Long	28/04/2020		16		105			
18	Ngô Ngọc Tú Uyên	08/05/2020	x	16.5		107			
19	Nguyễn Võ Linh Đan	17/06/2020	x	23.5		115			
20	Nguyễn Vương Hiếu Nghĩa	21/06/2020		17		107			
21	Phan Thiên Khôi	09/07/2020		20		110			
22	Nguyễn Mai Hồng Vy	26/07/2020	x	18		107			
23	Nguyễn Hoàng Phương Di	28/07/2020	x	16		106			
24	Huỳnh Ngọc Thúy Vy	02/08/2020	x	20.5		113			
25	Nguyễn Thiên Ân	16/08/2020	x			116		25.5	
26	Huỳnh Minh Tú	20/08/2020	x	15		108			
27	Phạm Thanh Sơn	01/09/2020				107		22.5	
28	Nguyễn Hoàng Bảo Nhiên	15/09/2020	x	16.5		107			
29	Nguyễn Trần Trâm Anh	20/09/2020	x	15.5		101			
30	Phan Trung Kiên	05/11/2020		20.5		112			

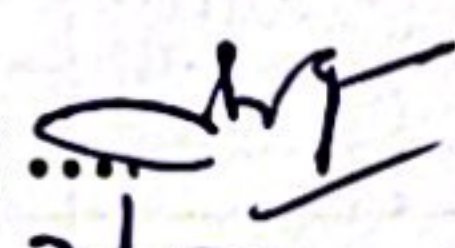
STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Đoàn Hưng Thịnh	10/11/2020		17.5		106			
32	Lại Huỳnh Khánh Vy	07/12/2020	x	16		106			
33	Thái Hoàng Anh	16/12/2020		19		108			
34	Lê Cát Gia An	20/12/2020	x	24		115			
35	Nguyễn Hiếu Vinh	24/11/2020		18		105			
TỔNG CỘNG		35	18	29	0	34		5	1
TỶ LỆ (%)		100	51.4	82.9		100		14.3	2.8

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG



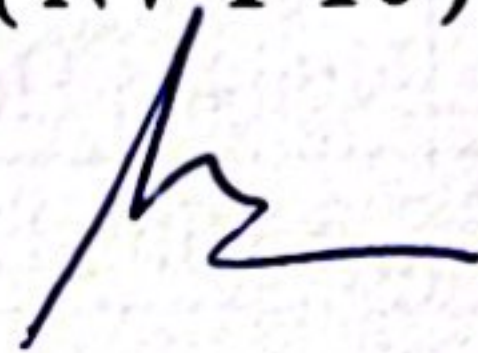
Phạm Thị Hồng Lan

GVCN

Trần Thị Ngọc Hương 

Nguyễn Thị Thu Thảo 

LẬP BẢNG
(NV Y Tế)



Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 3 năm 2025

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 4-5 TUỔI, THÁNG 3
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Đoàn Thiên Bảo	10/01/2020		17.5		105			
2	Ngô Hoàng Bảo Khánh	26/01/2020		17		110			
3	Lương Hoàng Tường Vy	28/01/2020	x	17		104			
4	Nguyễn Hoàng Bảo Lâm	26/02/2020		22		115			
5	Đoàn Đình Phong	27/02/2020		16.5		104			
6	Phạm Ngọc Tường Vân	05/03/2020	x	19		105			
7	Nguyễn Phú Trọng	01/04/2020		19		113			
8	Cam Trọng Phú	06/04/2020		21.5		108			
9	Huỳnh Minh Trí	16/05/2020		20		106			
10	Trương Phạm Hà Vy	29/05/2020	x	22		111			
11	Hồ Ngọc Phương Anh	30/05/2020	x	20		110			
12	Nguyễn Ngọc Thiện	07/07/2020				106			23
13	Phạm Trần Khánh My	13/09/2020	x	16.5		113			
14	Lương Bảo Ngọc	22/09/2020	x	17		107			
15	Nguyễn Trần Lan Phương	27/09/2020	x	16.5		100			
16	Đoàn Nguyễn An Nhiên	01/10/2020	x	13.5		101			
17	Nguyễn Gia Phú	16/10/2020		23		114			
18	Nguyễn Ngọc Khả Vy	05/11/2020	x	14.5		98			
19	Lưu Dương Trí	15/11/2020		15		102			
20	Lê Hồng Hân Hân	03/12/2020	x	13		96			
21	Phan Ngọc Thiên Kim	15/12/2020	x	15		100			
22	Phạm Quỳnh Ngân Khánh	6/02/2020	x	20.5		110			
23	Đặng Thị Kim Ngọc	17/10/2020	x	14		104			
24	Đặng Thị Kim Xuân	17/10/2020	x	15		105			
TỔNG CỘNG		24	14	23	0	24	0	0	1
TỶ LỆ (%)		100	58.3	95.8	0	100	0	0	4.2

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG MẦM GIÁO THUẬN THÀNH
Phạm Thị Hồng Lan

GVCN
Đinh Thị Mai Quyên...
Nguyễn Thị Ngọc Hân...

LẬP BẢNG (NV Y Tế)
Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 3 năm 2025

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI , THÁNG 3
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Văn Minh Hạo	13/01/2019				113		23	
2	Nguyễn Tuấn Khoa	14/01/2019		23		123			
3	Nguyễn Ánh Dương	14/01/2019	x	25		122			
4	Đặng Ngọc Minh Anh	18/01/2019	x			118		25	
5	Huỳnh Bình An	26/02/2019		24		120			
6	Nguyễn Thành Đạt	07/03/2019		20		118			
7	Nguyễn Lê Quỳnh Như	17/03/2019	x	18		115			
8	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	31/03/2019	x	23.5		118			
9	Đoàn Huyền Anh	08/04/2019	x	20.5		114			
10	Nguyễn Hữu Vinh	17/04/2019				124		27	
11	Nguyễn Minh Tân	23/04/2019				131			34
12	Lưu Minh Thiên Phú	17/05/2019		24.5		121			
13	Võ Quỳnh Thư	28/05/2019	x	20		113			
14	Trần Nguyễn Thanh Duy	02/07/2019		22.5		116			
15	Tạ Võ Như Ngọc	10/07/2019	x	15.5		106			
16	Huỳnh Thị Kiều My	19/07/2019	x	16.5		110			
17	Nguyễn Lê Hiếu Tín	31/07/2019		18		110			
18	Nguyễn Thị Kim Anh	09/08/2019	x	21.5		113			
19	Phan Chí Tâm	13/08/2019		20.5		111			
20	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/08/2019	x	20		115			
21	Nguyễn Trần Thanh Hà	01/09/2019	x	22		115			
22	Đào Ngọc Kiều Lan	14/09/2019	x	17		106			
23	Nguyễn Hoàng Tấn Phúc	05/11/2019		22		120			
24	Trương Hoàng Lâm	09/11/2019		16		107			
25	Bùi Thị Thanh Ngân	09/11/2019	x	21.5		113			
26	Lê Quốc Bảo	25/11/2019		19		115			
27	Tôn Nguyễn Minh Thiện	26/11/2019		17.5		107			
28	Nguyễn Ngọc Như Ý	30/11/2019	x	23		117			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Trần Anh Tuấn	21/12/2019		20		111			
30	Phạm Nguyễn Phúc Thịnh	28/12/2019		25		122			
TỔNG CỘNG		30	14	26		30		3	1
TỶ LỆ (%)		100	46.6	86.7		100		10	3.3

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

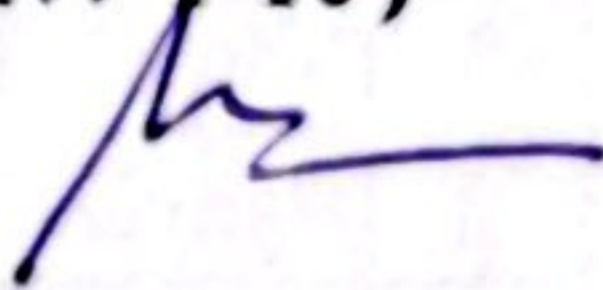
GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Phạm Thị Hồng Lan

Võ Thị Thúy Hằng
Trần Hồng Diễm.....


Phạm Thị Thanh Hằng

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI, THÁNG 3
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Dương Minh An	01/01/2019		19		110			
2	Dương Minh Diệu	01/01/2019	x	17.5		112			
3	Đỗ Ngọc Xuân Nhã	12/01/2019	x	16		111			
4	Lâm Phước Như Ý	31/01/2019	x	25		122			
5	Nguyễn Ngọc Khả Như	24/02/2019	x	24		119			
6	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	12/3/2019	x			120		26.5	
7	Lê Bùi Bích Trâm	19/3/2019	x	22		114			
8	Trần Khả Nhi	28/3/2019	x			116			28
9	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	30/3/2019	x			122			27
10	Bùi Hoàng Anh	11/04/2019		23.5		119			
11	Nguyễn Tuấn Kiệt	12/4/2019		18		115			
12	Tạ Lê Bảo Thy	12/05/2019	x	22		118			
13	Võ Ngọc Thủy Tiên	14/05/2019	x	20		120			
14	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/06/2019		19		114			
15	Phan Ngọc Khánh My	26/06/2019	x			123		27.5	
16	Phạm Gia Hưng	15/07/2019				119		26	
17	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	29/07/2019	x	21.5		117			
18	Nguyễn Trung Kiên	13/08/2019		25		123			
19	Lương Thị Ngọc Hân	17/08/2019	x	21		115			
20	Lê Ngọc Như Ý	19/08/2019	x	16		109			
21	Bạch Ngọc Quý	13/09/2019		17.5		113			
22	Từ Hồng Anh	23/09/2019		22		121			
23	Võ Bá Hiên	30/09/2019		21		117			
24	Văn Thái Thanh Vân	16/10/2019	x	20		118			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
25	Nguyễn Thiên Ân	13/11/2019		18		116			
26	Nguyễn Ngọc Thiên An	15/11/2019	x	21		112			
27	Lê Khải Điền	08/12/2019		16.5		105			
28	Huỳnh Thanh Phong	17/12/2019		20		110			
29	Cao Phương Quỳnh	20/12/2019	x	20.5		111			
30	Nguyễn Võ Thiên Phước	20/12/2019		16		109			
TỔNG CỘNG		30	17	25		30		3	2
TỶ LỆ (%)		100	56.6	83.3		100		10	6.7

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Phạm Thị Hồng Lan

Lâm Kim Ngọc Trâm

Phan Thị Hồng Cúc....

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 3 năm 2025

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI, THÁNG 3
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Dương Minh Tú	01/01/2019	x	18		113			
2	Trương Hoàng Gia Lâm	13/01/2019				120			28.5
3	Vũ Nguyễn Lưu Thịnh	16/01/2019		18		114			
4	Võ Hoàng Gia Bảo	02/02/2019		23.5		119			
5	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	09/02/2019	x	24.5		120			
6	Nguyễn Bảo Duy	20/02/2019		24		121			
7	Nguyễn Kim An	20/03/2019	x	19		109			
8	Nguyễn Duy Quý	20/03/2019				124			30
9	Khuru Thanh Lờ	05/04/2019		23		120			
10	Lê Nguyễn Mai Trang	24/4/2019	x	24.5		120			
11	Mai Thái Gia Hào	30/04/2019	x	20		110			
12	Trương Đăng Khôi	02/05/2019		22		115			
13	Nguyễn Ngọc Hà Phương	15/05/2019	x	17		111			
14	Kiều Phạm Khánh Phong	10/6/2019		21		112			
15	Nguyễn Ngọc Khoa	16/6/2019		21		112			
16	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	26/06/2019	x	23.5		118			
17	Võ Trần Hoàng Thịnh	02/07/2019		23.5		119			
18	Huỳnh Tuấn Minh	16/07/2019		18		110			
19	Võ Ngọc Quỳnh Như	18/07/2019	x	20.5		117			
20	Phan Lê Đăng Khang	24/07/2019		19.5		109			
21	Trần Nhật Bảo Khang	03/08/2019		20		110			
22	Lê Trần Đan Thư	12/08/2019	x	22.5		115			
23	Nguyễn Minh Thư	13/08/2019	x	16.5		107			
24	Nguyễn Ngọc Linh Đan	3/9/2019	x	20		112			
25	Lê Hoàng Duy	19/09/2019		22		116			
26	Nguyễn Minh Hà	03/10/2019	x	17		111			
27	Phan Minh Mẫn	04/10/2019		19		111			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
28	Lê Minh Hải	08/10/2019		18.5		112			
29	Đoàn Ngọc Như Quỳnh	16/10/2019	x	22		118			
30	Đoàn Ngọc Trúc Quỳnh	16/10/2019	x	23		117			
31	Nguyễn Ngọc Linh Chi	21/10/2019	x	20.5		119			
32	Phạm Minh Khôi	31/10/2019		17.5		114			
33	Nguyễn Ngọc Hân	25/11/2019	x	18		112			
34	Trần Đông Quân	28/12/2019		23		118			
TỔNG CỘNG		34	16	32	0	34	0	0	2
TỶ LỆ (%)		100	48	94.1	0	100	0	0	5.9

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y Tế)



Phạm Thị Hồng Lan

Trần Thị Bạch Huệ ...
Ngô Thị Thu Thủy...

Phạm Thị Thanh Hằng

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI , THÁNG 3
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Lê Hoàng Nhân	01/01/2019		23		117			
2	Ngô Minh Tiến	01/01/2019		25.5		124			
3	Cao Thái Trân	11/01/2019	x			120		26.5	
4	Phan Ngọc Mai	28/01/2019	x	19		111			
5	Nguyễn Trần Gia Huy	03/02/2019		20.5		113			
6	Lê Hải Phong	03/02/2019		23		120			
7	Mai An Nhiên	15/02/2019	x			124		29	
8	Nguyễn An Phước	17/02/2019		22		117			
9	Phan Thành Đạt	21/02/2019				116			26
10	Đặng Phan Thiên Phúc	07/03/2019		18		115			
11	Nguyễn Thị Lan Vy	22/03/2019	x	19		115			
12	Huỳnh Nguyên Bảo	08/04/2019				121		27	
13	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/04/2019				126			31
14	Lương Quỳnh Hiếu Lam	29/04/2019	x	19		113			
15	Trần Võ Sơn Trà	05/06/2019	x	21.5		113			
16	Phạm Ngọc Khánh An	06/06/2019	x	19.5		114			
17	Nguyễn Minh Trường	08/06/2019		17.5		106			
18	Lương Thanh Bảo Khang	12/06/2019		16		109			
19	Huỳnh Thanh Vũ	18/06/2019		16.5		105			
20	Nguyễn Gia Khánh	15/07/2019				127			34
21	Lương Minh Đức	20/07/2019		16.5		105			
22	Hồ Tấn Phát	20/07/2019		22.5		116			
23	Trần Cao Lâm	27/07/2019		24		120			
24	Cam Nguyễn An Nhiên	05/08/2019	x			116			27
25	Đỗ Trần Gia Hưng	14/08/2019		20		114			
26	Trần Duy Phúc	20/08/2019		23		118			
27	Đỗ Ngọc Nhã Uyên	08/08/2019	x	22.5		118			
28	Trần Huyền Bảo Khánh	25/09/2019	x	17		111			
29	Nguyễn Ngọc Cát Tường	26/09/2019	x	17		106			
30	Đặng Ngọc Bích Trâm	27/09/2019	x			124		28	

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Phạm Linh Chi	17/10/2019	x			116			33
32	Huỳnh Vĩnh Khang	17/11/2019		18.5		110			
33	Trần Thị Trúc Mai	04/12/2019	x	19		108			
34	Ngô Trần Nhã Đan	23/12/2019	x	16.5		105			
35	Nguyễn Trúc Quỳnh	30/12/2019	x	18		109			
TỔNG CỘNG		35	16	26		34	0	4	5
TỶ LỆ (%)		100	45.7	74.3		94.4	0	11.4	14.3

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Phạm Thị Hồng Lan

Ngô Thị Ngọc Mai.....
Võ Thị Ngọc Oanh.....

Phạm Thị Thanh Hằng